

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 21/03/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TTC1+P6+BK19	7:25	10+10+2	0+0+0		4+14+4	0+0+0	Chuyen 1 TTC1-P6, Chuyen 1 P6-BK19
2		VSP01+TD1+RP1	7:25	19+0+0	0+0+0		14+0+8	0+0+0	Chuyen 2 VSP01- TD1
3		BK9+TD2+VSP02	7:25	1+20+0	0+0+0		0+14+8	0+0+0	
4		P4 + P2+VSP01	7:25	11+8	0+0		0+22	0+0	
5		P8+CTC1+RP3	9:25	22+0+0	0+0+0		18+0+4	0+0+0	Chuyen 4 P8-CTC1
6		TTC2+AMD	9:25	9+13	0+0		6+16	0+0	
7		BK4+P9+P6	9:25	6+7+9	0+0+0		0+5+17	0+0+0	
8		TTC1+P6+BK10	11:25	5+13+0	0+0+0		6+12+4	0+0+0	
9		P8+P11	11:25	22+0	0+0		20+2	0+0	
10		AMD+TGTH5+BK21	11:25	11+6+3	0+0+0		10+5+6	0+0+0	
11		T.UNG	11:30	19	0		19	0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ Đi về trong ngày P6-3ng, TTC1-3ng

FLIGHT MANIFEST

DATE: 21/03/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:45
FLIGHT: 1	TO: TTC1 - P6 - BK19	CREW: ĐỨC - HĐức - HTNam	ETA: 09:25
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	MISHIN ALEKSANDR	TTC1	33	1	5		107	D-HANH	Russian
2	SHEREMETIEV ANDREY	TTC1					80	D-HANH	Russian
3	TARGANOV GENNADY	TTC1					91	ANTOAN	Russian
4	NGUYỄN VĂN CUÔNG	TTC1	38	1	7		46	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN NHẬT THANH	TTC1	32	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM VĂN KHUÔNG	TTC1	34	1	10		69	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐÌNH LỘC	TTC1	35	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
8	DƯƠNG VĂN CUÔNG	TTC1	36	1	8		77	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ TRUNG KIẾN	TTC1	37	1	13		72	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN ĐỨC SƠN	TTC1	39-40	2	14		71	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN QUANG VINH	P6	92	1	3		67	D-HANH	Vietnamese
12	NGUYỄN NGỌC ANH TUÂN	P6					75	D-HANH	Vietnamese
13	NGUYỄN HỮU NHÀN	P6	50-51	2	11		66	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN BÀ CUÔNG	P6					82	ANTOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN NGÔ HOÀN	P6	52-53	2	19		66	YTE	Vietnamese
16	CHERNIAVSKIY D S	P6	54	1	5		114	KH-THAC	Russian
17	PIATOV S.V	P6	55	1	8		94	KH-THAC	Russian
18	LÊ ĐẠI THANH	P6	49	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
19	HÀ DUY ĐÔNG	P6					90	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐỖ VĂN TÙNG	P6	56	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
21	HÀ XUÂN THÀNH	BK19	22	1	6		110	KH-THAC	Vietnamese
22	LÊ HỮU TỬ	BK19	21	1	10		67	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC1	10	9	71	748	0	4	1	CHUYEN 1 PAX TTC1-P6
2	P6	10	9	54	777	0	14	1	CHUYEN 1 PAX P6-BK19
3	BK19	2	2	16	177	0	4		
TOTAL		22	20	141	1.702	0	22		
WEIGHT KG				141	1.702	0			

GRAND TOAL: 1.843 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 21/03/2023	TO: VSP01 - TD1 - RP1	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: VThắng - HTrung - HIẾU	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRUBOCHKIN	VSP01	10	1	6		70	KH-THAC	Russian
2	HUYNH KIM KHANH	VSP01	13	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAM HOANG THANH	VSP01	18	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN HAI HA	VSP01	19-20	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN DUC THIEN	VSP01	01-02	2	7		68	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐẶNG ĐỨC ANH	VSP01					70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN NAM SINH	VSP01	15	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN VAN CHAU	VSP01	07	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN VAN TRUONG	VSP01	11	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
10	TRINH TIEN BINH	VSP01	16	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN VAN THUY	VSP01					70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN THUONG HAI	VSP01	04-05	2	11		52	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN DUY ĐÔNG	VSP01	21	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
14	HOANG PHUC LUONG	VSP01					80	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN QUOC TUAN	VSP01	03	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
16	VU QUANG THANH	VSP01	08-09	2	11		70	YTE	Vietnamese
17	NGO XUAN ĐỨC	VSP01	12	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN THANH TUNG	VSP01	06	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAN TAN SANG	VSP01	14	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	19	20	99	1.312	0	14	2	CHUYEN 02 PAX TU VSP01 SANG TD1
2	TD1	0	0	0	0	0	0		
3	RP1	0	0	0	0	6	8		
TOTAL		19	20	99	1.312	6	22		
WEIGHT KG				99	1.312	6			

GRAND TOAL: 1.417 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 21/03/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 3	TO: BK9 - TD2 - VSP02	CREW: Nam - N.Cường - Vũ	ETA: 09:15
CAM-1			

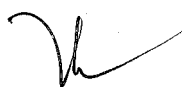
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN KHẮC THÀNH CHUNG	BK9	34	1	10		71	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ QUANG CƯỜNG	TD2	60	1	9	60	79	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN THANH ANH	TD2	77	1	4		71	KHOAN	Vietnamese
4	HOÀNG VĂN BÁC	TD2					82	KHOAN	Vietnamese
5	PHAN MẠNH CƯỜNG	TD2	61	1	4		81	KHOAN	Vietnamese
6	NGÔ VĂN HUY	TD2	63	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
7	LÊ ANH QUÂN	TD2	65	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
8	ĐỖ NGUYỄN GIÁP	TD2	59	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
9	NGÔ QUANG HÙNG	TD2	64	1	9		78	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM THANH GIANG	TD2	68	1	7		74	KHOAN	Vietnamese
11	VŨ XUÂN TRƯỞNG	TD2	58	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
12	PHẠM ĐÌNH THUYẾT	TD2	72	1	3		78	KHOAN	Vietnamese
13	PHẠM ĐÌNH BẢO	TD2	62	1	10		60	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐỨC THỊNH	TD2	69	1	17		76	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN DUY KIỆM	TD2	71	1	11		74	D-HANH	Vietnamese
16	LƯU ĐÌNH MINH	TD2	56-57	2	20		76	KHOAN	Vietnamese
17	TÀNG TIẾN TOÀN	TD2	73	1	10	22	78	DVL	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN ĐÔNG	TD2	66-67	2	20		70	DVL	Vietnamese
19	VŨ ANH TRỌNG	TD2	76	1	10		72	DVL	Vietnamese
20	ALEXSANDER KRAVSOV	TD2	70	1	15		77	DVL	Russian
21	LÊ VĂN TÀI	TD2	55	1	5		71	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

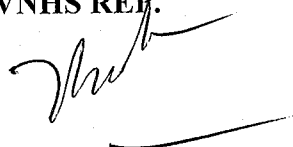
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK9	1	1	10	71	0	0		
2	TD2	20	21	174	1.481	82	14		
3	VSP02	0	0	0	0	0	8		
TOTAL		21	22	184	1.552	82	22		
WEIGHT KG				184	1.552	82			

GRAND TOAL: 1.818 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 21/03/2023	TO: P4 - P2 - VSP01	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:40
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: Hạnh - NPhú - Toan	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRAN NGUYEN BAO MINH	P4	49	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
2	VU VAN MANH	P4					80	KH-THAC	Vietnamese
3	LE DUC TOAN	P4	85	1	8		82	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐO XUAN PHUONG	P2	77-78	2	20	26	63	XAYLAP	Vietnamese
5	LE NGOC TUAN	P2	72	1	14		75	XAYLAP	Vietnamese
6	TRAN VAN TOAN	P2	68-69	2	15		65	XAYLAP	Vietnamese
7	TRAN CONG LUC	P2	83-84	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN VAN TOAN	P2	73-74	2	20		62	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYEN QUOC HOAN	P2	81-82	2	20		56	XAYLAP	Vietnamese
10	LE HOAI NGUYEN	P2	75-76	2	18		78	XAYLAP	Vietnamese
11	VU VAN TAN	P2	79-80	2	20		75	XAYLAP	Vietnamese
12	VU MANH THANG	P2	70-71	2	18		60	XAYLAP	Vietnamese
13	LY HUU THANG	P2	85-86	2	20		71	XAYLAP	Vietnamese
14	LE XUAN DAM	P2	88	1	3		66	PSV	Vietnamese
15	NGUYEN TRONG NAM	VSP01	90-91	2	10		90	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN VAN TUYEN	VSP01	94-95	2	9		72	KH-THAC	Vietnamese
17	TRAN VIET TUNG	VSP01	92-93	2	17		60	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAN THANH LOI	VSP01	500	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAN THANH HA	VSP01	89	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
20	VU HAI DANG	VSP01	98	1	6		83	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN NGOC LAN	VSP01					72	KH-THAC	Vietnamese
22	DANG MINH TAM	VSP01	96-97	2	10		63	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	3	2	12	242	0	0		
2	P2	11	20	185	736	26	0		
3	VSP01	8	11	62	588	0	22		
TOTAL		22	33	259	1.566	26	22		
WEIGHT KG				259	1.566	26			

GRAND TOAL: 1.851 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 21/03/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:40
FLIGHT: 5	TO: P8 - CTC1 - RP3	CREW: VThắng - HTrung - HIẾU	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ARUSHANOV SERGEI	P8	05	1	10		102	KHOAN	Russian
2	NGUYỄN VĂN XUÂN	P8	65	1	7		63	KHOAN	Vietnamese
3	TRẦN MINH HIẾU	P8	83	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN TỰ ĐO	P8	12	1	7		68	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN TÂN PHƯỚC	P8	800	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN ĐỨC DỤC	P8	66	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
7	HOANG TRUNG HIẾU	P8	79	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN VĂN LÊN	P8	04	1	4		63	KHOAN	Vietnamese
9	LAZAREV	P8	13	1	6		75	KH-THAC	Russian
10	TRẦN VĂN QUÊ	P8	15	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	P8	08	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐẠO TIẾN ĐẠT	P8	09-10	2	19		73	KH-THAC	Vietnamese
13	NGO VĂN ĐỒNG	P8	06	1	7		72	YTE	Vietnamese
14	VŨ ĐỨC THANH	P8	64	1	7		68	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN ĐỨC TOÀN	P8	07	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
16	PHẠM XUÂN HUY	P8	67	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
17	PHẠM VĂN SƠN	P8	03	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN QUANG MINH	P8	01	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN TIẾN DŨNG	P8	11	1	7		90	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN NHÂN	P8	02	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ NGUYỄN NHẬT LINH	P8					72	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẠM TU ANH	P8	14	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	22	22	139	1.573	0	18	4	CHUYEN 4 PAX P8-CTC1
2	CTC1	0	0	0	0	0	0		
3	RP3	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		22	22	139	1.573	0	22		
WEIGHT KG				139	1.573	0			

GRAND TOAL: 1.712 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 21/03/2023	TO: TTC2 - AMD	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:45
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: Nam - N.Cương - Vũ	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHUNG MINH HIEU	TTC2	36	1	5	45	70	KH-THAC	Vietnamese
2	LUU VAN AN	TTC2	35	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI VAN TUAN	TTC2					52	KH-THAC	Vietnamese
4	LE PHUONG	TTC2	40-41	2	10		55	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN THANH PHUONG	TTC2	38-39	2	16		75	XAYLAP	Vietnamese
6	MAI TRONG HAI	TTC2	37	1	12		65	XAYLAP	Vietnamese
7	PHAN TIEN DUNG	TTC2	44-45	2	18		46	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN CUONG TAN	TTC2	42-43	2	18		80	XAYLAP	Vietnamese
9	LE TIEN QUY	TTC2	34	1	5		75	PSV	Vietnamese
10	TRAN DAI NGHIA	AMD	55	1	9	65	71	HLJOC	Vietnamese
11	PHAM TIEN DUAN	AMD	4000,49	2	13		66	TLJOC	Vietnamese
12	DUONG CHI PHONG	AMD	56	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
13	LA THANH	AMD	62-63	2	19		80	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN ANH DUNG	AMD	60	1	2		70	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG VAN SAU	AMD	52	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
16	LE ANH MINH	AMD	61	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
17	DOAN VAN THUONG	AMD	57-58	2	12		67	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN GIA DINH	AMD	65	1	10		70	ABS	Vietnamese
19	TRAN DUC TRUNG	AMD	59	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN VAN HUNG	AMD	64	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
21	TRAN HUU DANG	AMD	51	1	12		86	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN QUOC LAI	AMD	53-54	2	10		75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC2	9	12	89	583	45	6		
2	AMD	13	17	108	913	65	16		
TOTAL		22	29	197	1.496	110	22		
WEIGHT KG				197	1.496	110			

GRAND TOAL: 1.803 KGS

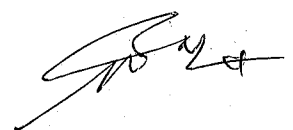
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/03/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 7	TO: BK4 - P9 - P6	CREW: Hạnh - NPhú - Toan	ETA: 11:30
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN DIỄN	BK4	39-40	2	15	12	65	XAYLAP	Vietnamese
2	LÊ ĐÌNH ĐỒ	BK4	33	1	15	13	75	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN PHÚC	BK4	41	1	15	15	58	XAYLAP	Vietnamese
4	PHẠM VĂN LONG	BK4	37-38	2	20		66	XAYLAP	Vietnamese
5	VŨ VĂN QUYÊN	BK4	35	1	11		60	XAYLAP	Vietnamese
6	VÕ THANH BÌNH	BK4	36	1	12		53	XAYLAP	Vietnamese
7	LƯU VĂN HÒA	P9	27	1	20		54	XAYLAP	Vietnamese
8	BUI MINH HIẾU	P9	34-35	2	19		99	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN BA SƠN	P9	28-29	2	21		68	XAYLAP	Vietnamese
10	PHẠM MINH THÈ	P9	32-33	2	20		82	XAYLAP	Vietnamese
11	PHẠM VĂN BÌNH	P9	38-39	2	20	20	75	XAYLAP	Vietnamese
12	TRẦN VĂN HÙNG	P9	30-31	2	18		62	XAYLAP	Vietnamese
13	HOÀNG VĂN NAM	P9	36	1	15		65	XAYLAP	Vietnamese
14	HOÀNG TIẾN DŨNG	P6	65	1	6		85	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐẶNG THỌ TAM	P6	61	1	8		62	KH-THAC	Vietnamese
16	PHƯƠNG VĂN MINH	P6	59	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
17	VŨ VĂN HOÀN	P6	64	1	3		78	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN HUY THAI	P6	58	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
19	HOÀNG THÁI ANH	P6	57	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM NGỌC QUY	P6	62	1	4		76	KH-THAC	Vietnamese
21	NGÔ PHẠM THANH HUY	P6	60	1	9		85	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐÀO KIM SÂM	P6	63	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK4	6	8	88	377	40	0		
2	P9	7	12	133	505	20	5		
3	P6	9	9	48	677	0	17		
TOTAL		22	29	269	1.559	60	22		
WEIGHT KG				269	1.559	60			

GRAND TOAL: 1.888 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 21/03/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:00
FLIGHT: 8	TO: TTC1 - P6 - BK10	CREW: CHIẾN - N.ANH - Thành	ETA: 13:40
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ MINH HOÀNG	TTC1	42	1	17	36	74	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ ANH TUẤN	TTC1	41	1	12		70	KH-THAC	Vietnamese
3	VŨ ANH TUẤN	TTC1	43	1	8	66	69	CODIEN	Vietnamese
4	NGUYỄN VŨ HÙNG	TTC1	44	1	17		86	CODIEN	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN HÙNG	TTC1					76	PSV	Vietnamese
6	LÊ QUANG MINH	P6					80	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ QUANG HUY	P6	70	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN TRỌNG KHOA	P6	68	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ TRUNG TUẤN	P6	80	1	13		75	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN VĂN LÊ	P6	69	1	8		66	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN NGỌC CHÂN	P6	81	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
12	THAI TRỌNG BÌNH	P6	71	1	7		81	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN NGỌC LANG	P6	66-67	2	17		59	T-TIN	Vietnamese
14	NGUYỄN HUỆ	P6	74-75	2	19		52	T-TIN	Vietnamese
15	ĐINH QUỐC TRƯỞNG	P6	77-79	3	20		75	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN CÔNG MẠNH	P6	76	1	7		82	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN TIẾN BÌNH	P6	72	1	4		71	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN QUỐC TỊNH	P6	73	1	6		80	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC1	5	4	54	375	102	6		
2	P6	13	16	120	927	0	12		
3	BK10	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		18	20	174	1.302	102	22		
WEIGHT KG				174	1.302	102			

GRAND TOAL: 1.578 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN




FLIGHT MANIFEST

DATE: 21/03/2023	TO: P8 - P11	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:05
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: Dương - MTHAO - DTùng	ETA: 13:45
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VINH DUNG	P8	19	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN QUANG HUY	P8	24	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN THANH NAM	P8	31	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN HOANG GIANG	P8	16-17	2	8		70	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ QUANG THĂNG	P8	30	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
6	THAI QUAN	P8	27	1	10		63	KH-THAC	Vietnamese
7	TRƯƠNG VĂN TÙNG	P8	18	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN KHIÊM HIỂU	P8	32	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
9	DƯƠNG TRÍ NAM	P8	26	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐẠO NGUYỄN HUNG	P8	23	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TRI HUNG	P8	25	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN TRỌNG HÒA	P8	21	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN LỢI	P8	28-29	2	19		65	DVL	Vietnamese
14	VÕ CHÍ THANH	P8	33-34	2	15		74	DVL	Vietnamese
15	NGUYỄN THIỆU BÌNH	P8	35-36	2	19		60	DVL	Vietnamese
16	NGUYỄN THẾ ANH	P8	37-38	2	18		87	XAYLAP	Vietnamese
17	TRẦN MINH TÂM	P8	43	1	8	17	70	XAYLAP	Vietnamese
18	ĐẶNG THẮNG LONG	P8	39-40	2	19		73	XAYLAP	Vietnamese
19	TRẦN QUỐC THỊNH	P8	41-42	2	14		55	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN TRUNG THANH	P8	20	1	5		73	PSV	Vietnamese
21	TRẦN TIẾN ĐẠT	P8	22	1	10		66	DK9	Vietnamese

FLIGHT PLAN

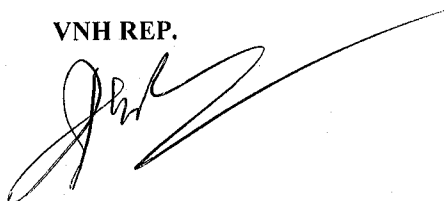
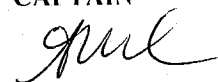
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	21	28	200	1.443	17	20		
2	P11	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		21	28	200	1.443	17	22		
WEIGHT KG				200	1.443	17			

GRAND TOAL: 1.660 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 21/03/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:10
FLIGHT: 10	TO: AMD - TGTH5 - BK21	CREW: TTrung - ĐNam - THU	ETA: 13:50
TRANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÀ NGỌC MẠNH	AMD	74-75	2	10		62	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN VĂN THUY	AMD	81	1	6		73	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM VĂN QUÂN	AMD	84-85	2	10		74	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN NGỌC CHIẾN	AMD	77-78	2	12		80	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ XUÂN TUÂN	AMD	71	1	8	32	64	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN TRẠI	AMD	73	1	15		65	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN HỮU PHƯỚC	AMD	76	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN NGỌC XUÂN	AMD	82-83	2	11		59	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM VĂN HÙNG	AMD	80	1	9		65	PSV	Vietnamese
10	PHẠM TUÂN THANH	AMD	79	1	4		75	PSV	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN DOANH	AMD	86-87	2	10		65	PSV	Vietnamese
12	DO VĂN THAO	TGTH5	30	1	11		68	HLJOC	Vietnamese
13	NGUYỄN HỮU LUẬT	TGTH5	31	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN ĐỊNH	TGTH5	36	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN VĂN KHÁNH	TGTH5	35	1	7		57	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐÀO CÔNG BÌNH	TGTH5	32-33	2	12		67	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAN VĂN TRỌNG	TGTH5	34	1	5		57	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN KHẮC QUỐC	BK21	21-22	2	11	5	71	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN THANH HUY	BK21	20	1	13		81	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN TIẾN THUẬT	BK21	23	1	5		78	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	11	16	101	748	32	10		
2	TGTH5	6	7	48	388	0	5		
3	BK21	3	4	29	230	5	6		
TOTAL		20	27	178	1.366	37	21		
WEIGHT KG				178	1.366	37			

GRAND TOAL: 1.581 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN




FLIGHT MANIFEST

DATE: 21/03/2023	TO: T.UNG	AIRCRAFT: 619	ETD: 11:00
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: ĐTrung - MMinh	ETA: 14:10
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ HỒNG QUANG	T.UNG	65	1	9		77	KH-THAC	Vietnamese
2	HOANG ANH MINH	T.UNG	66	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ ANH TUAN	T.UNG	58-59	2	8		58	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN MINH TAM	T.UNG	67	1	3		76	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN ĐA KHA	T.UNG	60	1	3		85	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐÀO DUY TÚ	T.UNG	55	1	8		58	KH-THAC	Vietnamese
7	DƯƠNG VĂN THÔNG	T.UNG	56	1	9		64	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ XUÂN ĐẠT	T.UNG	64	1	7		82	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐỖ VĂN CƯỜNG	T.UNG					74	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN VĂN SƠN	T.UNG	57	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN ĐỨC CƯỜNG	T.UNG	61	1	4		81	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN ĐAN	T.UNG					65	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI TRỌNG HÙNG	T.UNG	54	1	4	40	70	KH-THAC	Vietnamese
14	TÔ HÙNG DŨNG	T.UNG	53	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN HUY HOÀNG	T.UNG	72	1	10		76	ANTOAN	Vietnamese
16	NGÔ MINH PHƯƠNG	T.UNG	70-71	2	19	40	85	ANTOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	T.UNG	63	1	3		66	PSV	Vietnamese
18	ĐỖ ĐẶNG THANH	T.UNG	62	1	4		68	PSV	Vietnamese
19	HOANG THANH LINH	T.UNG	52	1	6		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	T.UNG	19	19	115	1.361	80	19		
	TOTAL	19	19	115	1.361	80	19		
	WEIGHT KG			115	1.361	80			

GRAND TOAL: 1.556 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN